

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

Năm 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300716891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 29/07/2016 .
- Vốn điều lệ: 105.269.370.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 105.269.370.000 đồng
- Địa chỉ: 102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận. 11, TP.HCM
- Số điện thoại: (028) 3956.0169
- Số fax: (028) 3956.0893
- Website: www.savitechco.com.vn
- Mã cổ phiếu: SVT

Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông là một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập vào năm 1976. Tháng 08/1996 công ty có tên là Công ty Xe Đạp Xe Máy Sài Gòn - trực thuộc Sở Công Nghiệp TP.HCM. Trải qua nhiều năm, Công ty đã có nhiều chuyển biến thay đổi phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội và kinh tế đất nước.
- Tháng 01/2000 Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM quyết định chọn Công ty Xe Đạp Xe Máy Sài Gòn là một trong những Doanh nghiệp đủ điều kiện để thực hiện cổ phần hóa. Đến tháng 12/2003, Công ty Cổ phần Xe Đạp Xe Máy Sài Gòn chính thức đi vào hoạt động với mô hình công ty cổ phần.
- Tháng 10/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông để phù hợp với chiến lược đa dạng hóa ngành hoạt động và xu thế phát triển của quá trình hội nhập quốc tế.
- Ngày 05/10/2011, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM đã tiến hành các nghi lễ trao giấy chứng nhận niêm yết cho Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông (SAVITECH) và chính thức khai mạc phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SVT. Số lượng cổ phiếu niêm yết tới ngày 31/12/2017 là 10.526.937 cổ phiếu

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh xe đạp, xe máy, ô tô và phụ tùng thay thế.
- Gia công cơ khí và nhiệt luyện.

- Sản xuất kinh doanh mua bán giấy và các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành in, ngành giấy.
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi.
- Đào tạo nghề, ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non, giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học.
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan.
- Bán buôn sách (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm.
- Đầu tư tài chính.

Các sản phẩm và lĩnh vực hoạt động chính của Công ty

Sản phẩm cơ khí truyền thống



Sản phẩm Giấy thương mại



Hợp tác đầu tư phát triển sản phẩm chè, cà phê và nông sản

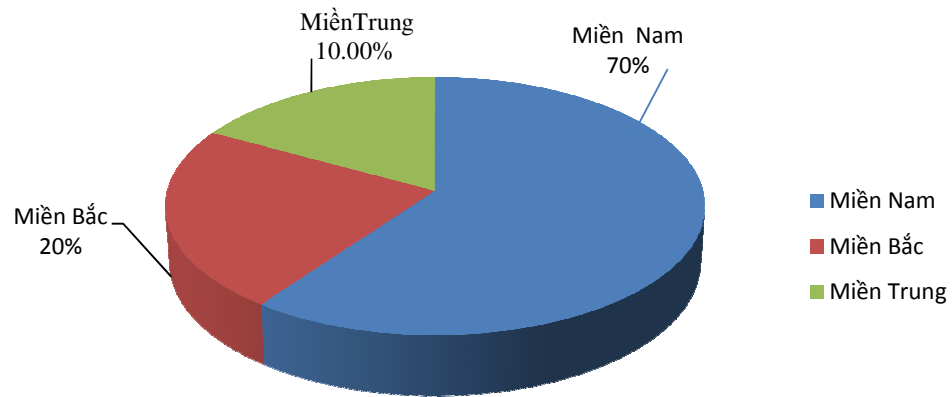


Hợp tác đầu tư phát triển Hệ thống trường Việt Mỹ (VASchools)

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh của Công ty bao gồm: các tỉnh thành thuộc khu vực Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam.

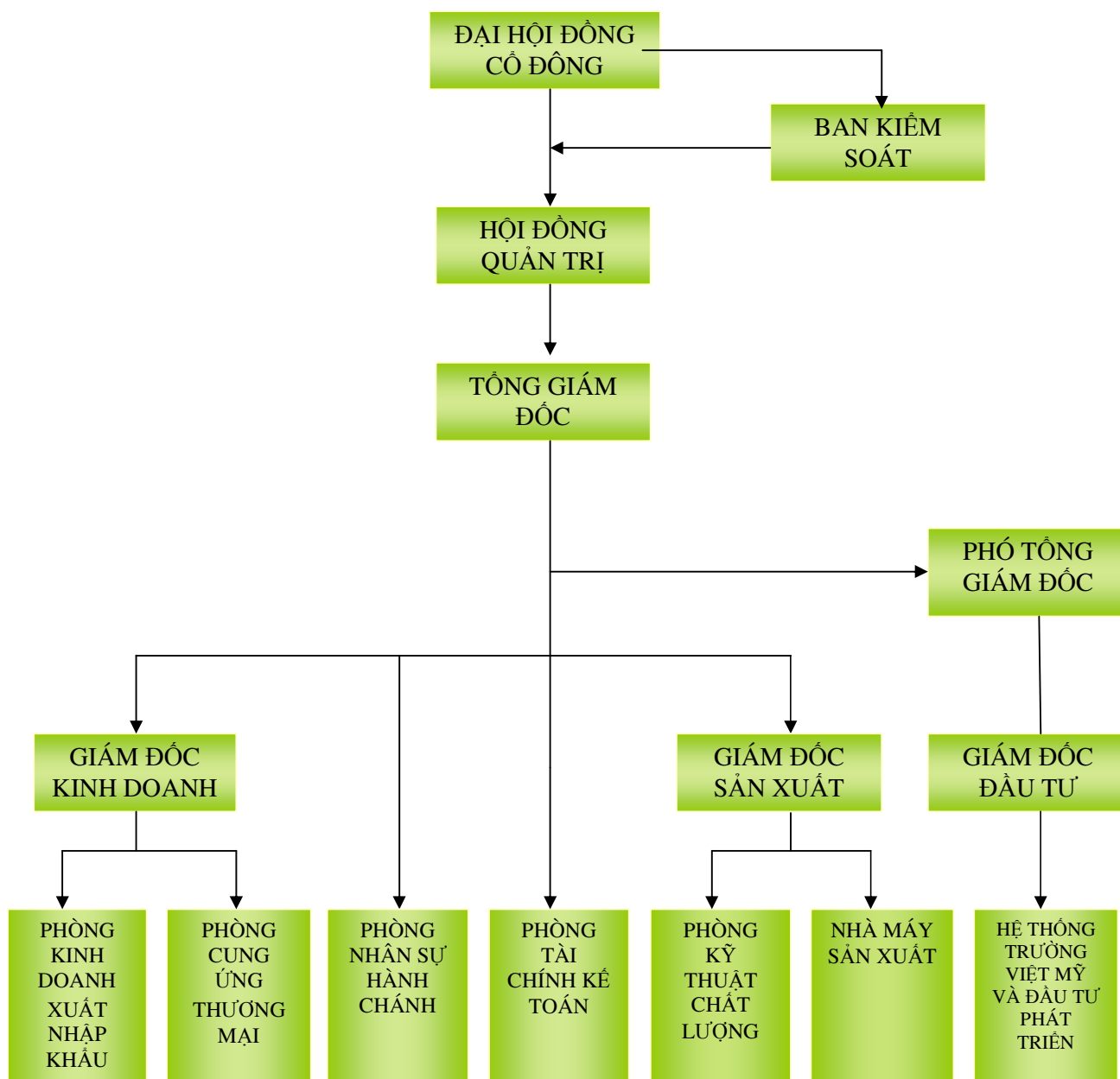
BIỂU ĐỒ ĐỊA BÀN KINH DOANH THEO DOANH SỐ NĂM 2017



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG



Cơ cấu bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông

Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ có quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) là cơ quan quản trị Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm Soát (BKS) là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành, có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc và các Giám Đốc chức năng là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các công việc, nhiệm vụ được giao.

Phòng Kinh Doanh – Xuất Nhập Khẩu

Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, xây dựng dự thảo chiến lược chung;

Lập mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn trên cơ sở kế hoạch được giao;

Theo dõi, thống kê và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và kế hoạch năm cho Ban Điều hành;

Thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch kinh doanh, tiêu thụ và thị trường đã được phê duyệt về các ngành hàng: sản phẩm văn hóa giáo dục, phụ tùng xe máy, phụ tùng xe đạp;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Điều hành.

Phòng Cung Ứng – Thương Mại

Lập kế hoạch và thực hiện cung cấp vật tư, nguyên nhiên vật liệu, thiết bị theo kế hoạch sản xuất của Công ty.

Lập kế hoạch mua các sản phẩm văn hóa giáo dục: giấy văn phòng phẩm, giấy tập học sinh, giấy tiêu dùng, sách, báo, đồ dùng học sinh ...

Tiếp nhận, sắp xếp, bảo quản kho và bảo đảm an toàn nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thành phẩm, hàng hóa; xuất nhập vật tư, xuất nhập hàng hóa;

Chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch dịch vụ gia công nhiệt luyện, sản phẩm văn hóa giáo dục đã được giao; củng cố và mở rộng thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng ngành hàng dịch vụ gia công, thương mại hàng năm;

Trực tiếp thực hiện việc phát triển các mặt hàng mới thuộc các mảng thương mại.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Điều hành.

Phòng Quản Lý Hệ Thống Trường Việt Mỹ và Đầu Tư – Phát Triển

Tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc về chiến lược đầu tư và phát triển;

Quản lý dự án phát triển Hệ thống Trường Việt Mỹ;

Lập kế hoạch và thực hiện việc tìm kiếm, khai thác các dự án đầu tư mới phù hợp với định hướng chiến lược của HĐQT, Ban Điều hành;

Chuẩn bị nội dung và tài liệu để HĐQT, Tổng Giám đốc tiếp xúc, đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước về hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết thực hiện dự án;

Quản lý, giám sát tình hình triển khai và hoạt động của các dự án công ty đầu tư, kiến nghị các biện pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của HĐQT, Tổng Giám đốc.

Phòng Tài Chính – Kế Toán

Lập và cân đối các kế hoạch tài chính nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư mới của Công ty;

Kế toán tiêu thụ tính toán kết quả sản xuất kinh doanh, tổng hợp kiểm kê thành phẩm định kỳ cũng như đột xuất;

Tư vấn, tham mưu cho Tổng Giám đốc về chiến lược tài chính (cơ cấu tài sản nợ, nguồn vốn và chi phí vốn...); quyết định đầu tư, quản lý điều hành; kiểm soát nội bộ để đảm bảo tạo giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông;

Tổng hợp, báo cáo quyết toán hàng tháng, quý, 6 tháng, năm theo quy định;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Điều hành.

Phòng Hành Chính – Nhân Sự

Xây dựng dự thảo cơ cấu tổ chức bộ máy; Quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Công ty;

Thực hiện công tác đào tạo và nâng bậc cho cán bộ công nhân viên, các chế độ bảo hiểm xã hội; bảo vệ an ninh nội bộ; quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên;

Mua sắm, quản lý tài sản của Công ty;

Thực hiện việc kiểm soát tài liệu, hồ sơ chất lượng; ghi chép số liệu, phân tích đánh giá và báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ cũng như yêu cầu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000...

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Điều hành.

Phòng Kỹ Thuật – Chất Lượng

Nghiên cứu, đề xuất áp dụng các biện pháp cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, tăng chất lượng và giảm giá thành sản phẩm;

Nghiên cứu chế tạo phụ tùng, khuôn mẫu thay thế, cải tiến thiết bị theo yêu cầu để phục vụ cho sản xuất;

Sửa chữa máy móc thiết bị kịp thời phục vụ cho sản xuất. Bảo dưỡng, sửa chữa và chế tạo lắp đặt các thiết bị điện, động lực, hệ thống truyền dẫn được phân công. Quản lý hệ thống truyền dẫn chính: điện, nhiệt, khí nén, nước;

Kiểm tra các công đoạn sản xuất, giám sát quá trình sản xuất và cung ứng đầu vào cho sản xuất nhằm đảm bảo nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra đạt các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định;

Xác định, lập các định mức kỹ thuật vật tư;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Điều hành.

Nhà máy Sản Xuất

Thực hiện các kế hoạch sản xuất, gia công nhiệt luyện trên cơ sở đảm bảo về số lượng, chất lượng và tiến độ thời gian;

Quản lý nhân sự Nhà máy, máy móc thiết bị, an toàn lao động, vệ sinh lao động môi trường, phòng chống cháy nổ. Quản lý vật tư, phụ tùng dùng cho máy móc thiết bị và điện thuộc Nhà máy;

Xây dựng, thực hiện và quản lý kế hoạch bảo hộ lao động; quản lý các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và vệ sinh lao động theo quy định;

Nghiên cứu, đề xuất áp dụng các biện pháp cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, tăng chất lượng và giảm giá thành sản phẩm;

Tham gia các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, thiết kế sản phẩm mới.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban điều hành.

Công ty con, công ty liên kết

Đvt: Triệu đồng

Tên Công ty liên kết	Ngành nghề	Vốn điều lệ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Giá trị
1. Trường Tiểu Học Dân Lập Việt Mỹ	Văn hóa-Giáo dục	2.500	35%	875
2. Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ	Văn hóa-Giáo dục	2.000	40%	800
3. Trường Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ Anh	Văn hóa-Giáo dục	2.000	40%	800
4. Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Giáo Dục Hoàng Việt	Văn hóa-Giáo dục	15.000	30%	4.950
5. Công ty CP Giấy Toàn Lực	Giấy, sản xuất-In	96.000	35,77%	50.860
Cộng				58.285

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc công ty đã xác định rõ mục tiêu phát triển như sau:

Sử dụng nguồn vốn của công ty có hiệu quả; đảm bảo tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận; tăng mức chi trả cổ tức cho cổ đông; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông mục tiêu hướng đến phát triển bền vững và trở thành một trong những công ty có hoạt động đầu tư về giáo dục hiệu quả.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược mà HĐQT và Ban điều hành công ty thống nhất thực hiện sau khi đã phân tích kỹ về năng lực nội tại của công ty, khả năng cạnh tranh cũng như những dự báo về sự phát triển lâu dài của công ty; đó là xây dựng công ty trở thành công ty đầu tư và đầu tư trọng tâm vào lĩnh vực giáo dục thông qua quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát nhằm thu được lợi ích kinh tế từ việc khai thác hiệu quả hoạt động của Hệ thống Trường Việt Mỹ (VASCHOOLS).

Hệ thống Trường Việt Mỹ hiện nay gồm hơn 13 trường đã và đang hoạt động có hiệu quả, khai thác hết công suất của mặt bằng hiện tại và của tòa nhà 06 tầng nằm trong giai đoạn 01 của Dự án đầu tư xây dựng và mở rộng trường Việt Mỹ mà SAVITECH là chủ đầu tư. Trong thời gian sắp đến HĐQT sẽ phê duyệt thực hiện tiếp giai đoạn 02 để hoàn thành dự án tổng thể đồng thời để công ty SAVITECH có thêm nguồn thu ổn định phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành nghề kinh doanh truyền thống (sản xuất phụ tùng xe, kinh doanh giấy thương mại) nhằm giữ vững thị phần và tăng trưởng ổn định.

Thực hiện các dự án đầu tư mang tầm chiến lược nhằm đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, hoạt động hiệu quả và phát huy thương hiệu của công ty.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Đối với môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, SAVITECH hiểu rõ tầm quan trọng và trách nhiệm của mình đối với vấn đề bảo vệ môi trường. Công ty thực hiện các chính sách và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường trong từng mảng hoạt động kinh doanh đồng thời triển khai tiết kiệm và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với toàn thể cán bộ công nhân viên.

Tuân thủ các quy định đối với việc bảo vệ môi trường như: Quản lý nguồn nước, khí thải và chất thải. Tiên tiến nghiên cứu và sử dụng túi nylon thân thiện với môi trường cho việc đóng gói sản phẩm, giảm năng lượng tiêu hao trong quá trình sản xuất, vận chuyển hàng hóa để giảm lượng khí CO₂...

Đối với xã hội và cộng đồng

Trong nhiều năm qua SAVITECH luôn phối hợp chặt chẽ với hệ thống các trường Việt Mỹ (VASCHOOLS) thực hiện các đề án nâng cao chất lượng giảng dạy, giúp các em học sinh được giáo dục toàn diện, phát triển bản thân để trở thành thế hệ tương lai của đất nước.

Ngoài ra, Công ty luôn tạo nhiều công ăn việc làm, tăng chế độ phúc lợi, chăm lo sức khỏe và an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và tham gia các hoạt động mang tính xã hội, cộng đồng.

5. Các rủi ro đối với việc thực hiện các mục tiêu của công ty

Rủi ro kinh tế

Hoạt động của Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế thế giới và Việt Nam cũng như của thị trường tài chính tiền tệ. Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động tỷ giá, thắt chặt tín dụng và tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào. Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, Công ty chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp, và tổ chức tín dụng của Công ty.

Rủi ro về pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty dựa trên sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành, chủ yếu là Luật doanh nghiệp, Luật kế toán, Luật chứng khoán, Luật thương mại, Luật lao động... Những thay đổi của văn bản pháp luật đều có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật được hoàn thiện với mục tiêu hướng đến sự ổn định, thông thoáng sẽ tác động tích cực đến sự phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về cạnh tranh

Sự cạnh tranh sản phẩm, cạnh tranh ngành là không thể tránh khỏi. Nhưng đó cũng là những cơ hội để SAVITECH không ngừng cải tiến ngày càng hiệu quả hơn, đem lại lợi ích cho khách hàng và tạo ra giá trị gia tăng cho xã hội.

Với mặt hàng là Giấy thương mại, phụ tùng xe máy, xe đạp, và gia công nhiệt luyện... Công ty phải luôn cạnh tranh với các đối thủ trong nước, không những vậy Công ty còn cạnh tranh với các hàng hóa sản phẩm đến từ Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan ... nhập khẩu bằng đường tiểu ngạch vào Việt Nam. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn nỗ lực cải tiến trong tất cả các khâu sản xuất và kinh doanh nhằm tiết giảm giá thành, áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời đẩy mạnh xây dựng thương hiệu và hệ thống tiêu thụ vững mạnh để tăng cường khả năng cạnh tranh của Công ty.

Rủi ro do biến động giá cổ phiếu niêm yết

Niem yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ góp phần xác định vị thế thương hiệu, uy tín của SAVITECH, tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu SVT, mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường vốn của Công ty cùng những lợi ích khác mà việc niêm yết cổ phiếu đem lại.

Bên cạnh đó, SAVITECH và các nhà đầu tư tất yếu sẽ phải đối mặt với rủi ro về biến động giá cổ phiếu niêm yết. Sự tăng, giảm giá cổ phiếu SVT do nhiều yếu tố tác động nên, ví dụ như: tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, tình hình kinh tế chính trị xã hội vĩ mô, xu hướng chung của thị trường chứng khoán, cung – cầu cổ phiếu của công ty hay các yếu tố về tâm lý của nhà đầu tư...

Rủi ro khác

Một số rủi ro khác rất ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động của nền kinh tế nói chung và công ty nói riêng như động đất, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: triệu đồng.

Chỉ tiêu	TH năm 2016	TH năm 2017	% TH 2017/2016	Kế hoạch năm 2017	% Hoàn thành KH năm 2017
Tổng doanh thu	47.910	37.373	78,00%	50.000	74,75%
Lợi nhuận trước thuế	1.068	4.344	406,74%	5.000	86,88%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219	704	321,46%	1.000	70,40%
Lợi nhuận sau thuế	849	3.640	428,74%	4.000	91,00%

Các chỉ tiêu tài chính như: Tổng doanh thu chỉ đạt 74,75% kế hoạch, doanh thu của SAVITECH phụ thuộc rất nhiều vào sản lượng tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm và cung ứng dịch vụ; Năm 2017 nhìn chung lượng cầu về tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ trên thị trường vẫn còn thấp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp nhiều khó khăn việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng rất đáng kể, đã tác động và ảnh hưởng lớn đến hoạt động tiêu thụ của công ty. Mặc dầu vậy, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều tăng so với năm trước và gần hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận mà Đại Hội Đồng Cổ Đông đã đề ra; Mặt khác công ty vẫn đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên của công ty.

Bảng phân tích chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2017

Đvt: triệu đồng.

Yếu tố chi phí	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Doanh thu thuần	47.833		36.101	
Giá vốn hàng bán	42.543	88,94%	31.430	87,06%
Chi phí bán hàng	1.362	2,84%	1.181	3,27%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.624	3,39%	1.784	4,94%
Chi phí hoạt động tài chính	1.188	2,48%	-1.366	-3,78%

- **Giá vốn hàng bán** của công ty bao gồm các khoản chi phí mua hàng hóa, nguyên vật liệu, khấu hao giá trị tài sản cố định, nhân công và các chi phí phân bổ khác thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của công ty, do đó để hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo công ty luôn nghiên cứu tìm ra các giải pháp để giảm giá thành sản phẩm nhằm nâng cao tính cạnh tranh. Năm 2017, tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu chiếm 87,06% giảm 1,88% so với năm trước.

- **Chi phí bán hàng** năm 2017 tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu chiếm 3,27% và tăng 0,43% so với năm trước. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do: sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường nên Công ty phải tăng cường khâu tiếp thị, quảng bá sản phẩm, khuyến mãi... để hàng hóa đến tận tay người tiêu dùng.

- **Chi phí phí quản lý doanh nghiệp** năm 2017 chiếm 4,94% trên doanh thu và tăng 1,55% so với năm trước, nguyên nhân tăng là do: Công ty đã trích dự phòng phải thu các khoản nợ khó đòi theo quy định của Bộ Tài Chính. Ngoài biến động tăng kể trên thì các khoản mục phí còn lại đều được công ty tiết giảm một cách hợp lý.

- **Chi phí tài chính** giảm rất nhiều so với năm trước là do các công ty mà SAVITECH có tham gia đầu tư vốn hoạt động ngày càng hiệu quả nên đã hoàn nhập chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Các chi phí kể trên đều được Ban điều hành tính toán một cách hợp lý, tối ưu nhất nhằm làm giảm chi phí, là một trong các yếu tố trọng yếu giúp SAVITECH đạt được lợi nhuận theo kế hoạch đã đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ
1. Ông Bùi Nam Long	Tổng Giám đốc
2. Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng giám đốc
3. Ông Võ Văn Hải	Giám đốc kinh doanh
4. Ông Nguyễn Thế Phụng	Giám đốc sản xuất
5. Ông Bùi Quang Minh	Giám đốc đầu tư phát triển
6. Bà Nguyễn Thị Thu Phụng	Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành:

1. Ông BÙI NAM LONG			
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - kiêm Tổng Giám Đốc			
Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1971
		Nơi sinh	Nghệ An
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	84.28.39560169
Quá trình công tác:			
■ Từ 10/1995 đến 11/2000 : Nhân viên KD Cty Điện máy Miền Trung, Cty XNK NSTP Đà Nẵng			
■ Từ 11/2000 đến 09/2003 : Nhân viên BH Y Tế TP.HCM, Nhân viên BHXH TP.HCM			
■ Từ 10/2003 đến 03/2004 : Trưởng phòng Kinh doanh Cty CP Đăng Long			
■ Từ 04/2004 đến 09/2004 : Quyền TP KD Cung ứng XNK Cty CP Xe Đạp Xe Máy Sài Gòn			
■ Từ 10/2004 đến 02/2005 : Trưởng phòng KD Cung ứng XNK Cty CP Xe Đạp Xe Máy Sài Gòn			
■ Từ 03/2005 đến 06/2005 : PGĐ kiêm TP KD Cung ứng XNK Cty CP Xe Đạp Xe Máy SG			
■ Từ 07/2005 đến 12/2005 : Quyền Giám đốc điều hành Cty CP Xe Đạp Xe Máy Sài Gòn			
■ Từ 01/2006 đến 06/2009: Giám Đốc điều hành Cty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông			
■ Từ 07/2009 đến 2014 : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty.			

1. Ông BÙI NAM LONG

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - kiêm Tổng Giám Đốc

- Từ 04/2014 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty.

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 21/03/2018 : 80.942 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết : 0,77%

2. Bà NGUYỄN THỊ THU

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị- kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1959
		Nơi sinh	Đồng Tháp
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.28.39233010

Quá trình công tác:

- Từ 1980 đến 1993 : Nhân viên Công ty Seaprodex TP.HCM
- Từ 1994 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH Toàn Lực (Nay là CTCP TM Toàn Lực)
- Từ 2004 đến nay: P.Chủ tịch HĐQT – Phó TGD CTCP Giấy Viễn Đông (Nay là CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông)
- Từ 02/2008 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giấy Toàn Lực
- Từ 8/2010 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT- Kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 21/03/2018 227.685 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết 2,16%

3. Ông VÕ VĂN HẢI

Giám Đốc Kinh Doanh

Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1970
		Nơi sinh	Quảng Trị
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.28.38559133

Quá trình công tác:

- Từ 1998 đến 2004: Phó Phòng XNK, CN Công ty XNK NSTP Đà Nẵng tại Tp.HCM
- Từ 2004 đến 2008: Trưởng Phòng KD-XNK Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông
- Từ 2009 đến 2009: Phó Giám đốc Công ty CP Chè Cà phê Di Linh
- Từ 2009 đến nay: Giám đốc Kinh Doanh kiêm TP.KD-XNK Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 21/03/2018 : 6 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết : 0,00%

4. Ông NGUYỄN THẾ PHƯỢNG

Giám Đốc Sản Xuất

Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1957
		Nơi sinh	TP.HCM
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.28.62513235

Quá trình công tác:

- Từ 1977 đến 1986: Nhân viên Kỹ thuật XNLH Mô tô Xe đạp
- Từ 1987 đến 1994: Phó Quản đốc sản xuất XN Phụ tùng số 2
- Từ 1995 đến 2003: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xe đạp Xe máy Sài Gòn
- Từ 2004 đến 2005: Quản đốc Sản xuất Công ty CP Xe đạp Xe máy Sài Gòn
- Từ 2005 đến 2006: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Xe đạp Xe máy Sài Gòn
- Từ 2007 đến 2009: Phó Giám đốc Sản xuất Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông
- Từ 2009 đến nay: Giám đốc sản xuất Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 21/03/2018 : 7 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết : 0,0%

5. Ông BÙI QUANG MINH

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị- kiêm Giám Đốc Đầu Tư

Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1986
		Nơi sinh	TP.HCM
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân thương mại
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.28.62917899

Quá trình công tác:

- Từ 2006 đến nay: Trưởng phòng Đầu tư Phát triển CTCP Thương mại Toàn Lực
- Từ 6/2010 đến nay: Trợ lý HĐQT
- Từ 8/2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Đầu tư Phát triển Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 21/03/2018 : 181.500 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết : 1,72%

6. Bà NGUYỄN THỊ THU PHƯỢNG

Kế Toán Trưởng

Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1962
		Nơi sinh	Tiền Giang
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.28.22150194

Quá trình công tác:

6. Bà NGUYỄN THỊ THU PHƯỢNG

Kế Toán Trưởng

- Từ 2010 đến 16/03/2016: Phó phòng kế toán Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông
- Từ 17/03/2016 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm : 6 cổ phần.
21/03/2018

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết : 0,0%

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Số lượng lao động tại 31/12/2017: 48 người.

Công ty thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào trình độ chuyên môn, thâm niên, năng lực đóng góp của người lao động đối với Công ty, bảo đảm thu nhập ổn định cho người lao động. Việc chi trả lương cho người lao động chi trả một lần vào ngày 05 tháng sau.

Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng tháng 13 (theo kết quả đánh giá năng lực nhân viên cả năm), thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm, trao tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân và tập thể... được Công ty thực hiện đầy đủ nhằm khích lệ người lao động yên tâm công tác.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Về thực hiện dự án: Công ty không triển khai thực hiện dự án đầu tư mới nào.

Về đầu tư tài chính: Tổng giá trị đầu tư tính đến ngày 31/12/2017 là: 96.544.511.652 đồng, cụ thể đầu tư vào các ngành như sau:

Nhóm ngành kinh doanh chủ yếu	Giá trị đầu tư vào các nhóm ngành	Chiếm tỷ lệ trong tổng giá trị đầu tư
1. Ngành văn hóa, Giáo dục:  	14.650.790.000đ	13,15%

2. Ngành Giấy, Sản xuất-In:



61.371.789.000đ

62,88%

3. Ngành kinh doanh thương mại



18.706.500.000đ

21,85%



4. Ngành chè, cà phê và nông sản:



1.815.432.652đ

2,12%

Tổng cộng

96.544.511.652 đ

100%

Các công ty con, công ty liên kết

Hiện nay SAVITECH đã và đang chuyển hướng thành Công ty đầu tư và đầu tư trọng tâm vào lĩnh vực giáo dục, do đó các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết của SAVITECH chủ yếu là Hệ thống trường Việt Mỹ (VASCHOOLS). Tính đến 31/12/2017 giá trị mà SAVITECH đã đầu tư góp vốn và xây dựng công trình trường học Việt Mỹ là khoảng hơn 30 tỷ đồng.

Hệ thống trường Việt Mỹ là hệ thống trường song ngữ đào tạo liên thông từ bậc Mầm non, Tiểu học, Trung học Cơ sở đến Trung học Phổ thông, học sinh được học tập trong một môi trường giáo dục hiện đại, tân tiến, chất lượng toàn diện phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế sâu rộng. Qua đó xác định chất lượng giáo dục là giá trị cốt lõi trong chiến lược phát triển chung của Hệ thống các trường Việt Mỹ mà SAVITECH là một trong các nhà đầu tư nắm quyền kiểm soát.

Hệ thống trường Việt Mỹ đang ngày càng phát triển về quy mô, số lượng và chất lượng, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, đem lại sự kỳ vọng lớn đối với công ty SAVITECH nói riêng và nhu cầu học tập của xã hội nói chung.



4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2016	Thực hiện Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	150.193	129.010	-14,10%
Doanh thu thuần	47.833	36.101	-24,52%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.146	4.165	263,44%
Lợi nhuận khác	-78	179	129,49%
Lợi nhuận trước thuế	1.068	4.344	306,74%
Lợi nhuận sau thuế	849	3.640	328,74%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,73	26,49
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,30	23,94
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	17,14	0,75
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	20,68	0,75
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	3,29	4,68
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,32	0,28
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,77	10,08
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,68	2,84
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,56	2,82
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,40	11,53

Trong năm 2017:

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của công ty lần lượt là 26,79 và 23,94 lần, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn; Đồng thời tạo ra giá trị gia tăng do tài sản ngắn hạn có giá trị cao hơn nợ ngắn hạn và dễ dàng chuyển đổi thành nguồn tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hệ số nợ trên tổng tài sản chỉ chiếm 0,75% cho thấy công ty có đủ vốn và mức độ tự chủ về tài chính là rất cao. Thuận lợi cho việc mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về tỷ suất khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) đều tăng so với năm trước.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	10.526.937	cổ phiếu
<u>Trong đó:</u>		
Cổ phiếu phổ thông	10.526.937	cổ phiếu
Cổ phiếu khác (cổ phiếu quỹ...)	0	
Mệnh giá	10.000	đồng/cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 21/03/2018, do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM lập:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	175	10.525.887	99,99%
	Tổ chức	8	4.281.834	40,67%
	Cá nhân	167	6.244.053	59,32%
2	Cổ đông nước ngoài	2	1.050	0,01%
	Tổ chức	1	1.000	0,01%
	Cá nhân	1	50	0,00%
	Tổng cộng	177	10.526.937	100,00%

Thông tin về tỷ lệ sở hữu cổ đông:

Đvt: 1.000.000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng số vốn chủ sở hữu	105.268	99,99%	0.105	0,01%	105.268	100,00%
CD sở hữu trên 5%	60.062	57,06%			60.602	57,06%
CD sở hữu từ 1% đến 5%	40.658	38,62%			40.658	38,62%
CD sở hữu dưới 1%	4.548	4,31%	0.105	0,01%	4.653	4,32%

Danh sách cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông lớn	Ngày 21/03/2018	
		Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông <i>129 Âu Cơ, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM</i>	3.502.407	33,27%
2	Công ty CP Giấy Toàn Lực <i>Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc, H.Củ Chi, TP.HCM</i>	779.361	7,40%
3	Bà Phạm Thị Xuân Tươi <i>36 Phan Văn Trị, P.2, Q.5, TP.HCM</i>	597.978	5,68%
4	Bà Huỳnh Thị Hoa Mai <i>1041/1A Trần Xuân Soạn, P. Tân Hưng, Q.7, TP.HCM</i>	573.037	5,44%
5	Bà Lê Thị Minh Giang <i>115 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM</i>	553.490	5,26%
Cộng		6.006.273	57,06%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không phát sinh.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh.

e) Các chứng khoán khác: Không phát sinh.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất cơ khí nên sắt thép là nguyên vật liệu trực tiếp dùng để tạo ra các sản phẩm.

Chi phí nguyên vật liệu dùng để tạo ra các sản phẩm trong năm 2017 là: 6.775.670.503 đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

Do đặc thù về sản phẩm, kích thước phôi sản phẩm và về đặc tính lý hóa của nguyên vật liệu tạo ra sản phẩm nên Công ty không thể tái chế nguyên vật liệu mà chỉ thanh lý phần phế liệu trong quá trình sản xuất cho các công ty khác có sản xuất các loại sản phẩm thích hợp hơn.

6.2 Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Hoạt động sản xuất của Công ty là khai thác và vận hành hệ thống máy móc thiết bị, quá trình vận hành đó cần phải sử dụng năng lượng mà chủ yếu là điện năng.

Chi phí điện năng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm là: 663.099.787 đồng.

Chi phí điện năng khối văn phòng sử dụng là: 23.266.832 đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Tiết kiệm năng lượng đồng nghĩa với việc giảm giá thành sản phẩm nên Công ty đã kiểm tra, theo dõi, đo lường mức tiêu hao năng lượng của các thiết bị cũ qua đó so sánh và thay thế bằng các thiết bị mới tiết kiệm năng lượng hơn.

Giá trị thay thế thiết bị trong năm là: 700.077.704 đồng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo):

Các đề xuất cũng như sáng kiến tiết kiệm năng lượng được thông qua tại các buổi họp giao ban định kỳ của Công ty, xem xét trên cơ sở phù hợp và tiến hành thực hiện, không lập thành văn bản.

6.3 Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Công ty không tiêu thụ nước trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh mà chỉ sử dụng theo nhu cầu sinh hoạt thiết yếu tại các khối văn phòng.

Nguồn nước sinh hoạt được cung cấp bởi Công ty CP cấp nước Phú Hòa Tân là một trong các đơn vị cấp nước sinh hoạt trên địa bàn TP.HCM.

Giá trị sử dụng nước sinh hoạt trong năm là: 1.846.240 đồng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Kể từ khi chính thức hoạt động cho đến nay, Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường; Các đoàn kiểm tra môi trường thường xuyên đến kiểm tra và kết luận công ty đã tuân thủ về bảo vệ môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không phát sinh.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động tại 31/12/2017: 48 người.

Số lượng lao động bình quân năm: 50 người (giảm 16,67% so với năm 2016).

Thu nhập bình quân người lao động: 6.927.000 đồng/người/tháng (tăng 6,57% so với năm 2016).

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, khám sức khỏe định kỳ, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp và cải thiện môi trường làm việc,... được công ty thực hiện theo đúng quy chế của công ty và quy định của pháp luật liên quan.

Trong năm, công ty phối hợp với Công đoàn và Đoàn Thanh niên, luôn tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ kinh phí cho hoạt động văn hoá, phong trào văn nghệ, thể thao, tạo sân chơi lành mạnh-bổ ích, tổ chức tham quan du lịch cho cán bộ công nhân viên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

* Huấn luyện định kỳ hàng năm về an toàn - vệ sinh lao động; Công ty mời Phòng Cảnh sát PCCC địa phương về huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy tại Công ty; Số giờ được đào tạo trung bình: 06 giờ/người/năm.

* Ngoài ra Công ty còn tổ chức huấn luyện nghiệp vụ nâng cao cho khối văn phòng nhằm làm việc có hiệu quả, số giờ được đào tạo trung bình: 04 giờ/người/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

* Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các CB.CNV tự học tập để phát triển kỹ năng và phát triển sự nghiệp.

* Phối hợp cùng các đơn vị khác cùng tổ chức các khóa học như nâng cao quản trị doanh nghiệp, nghiệp vụ chuyên sâu.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2017, Công ty có những hoạt động cộng đồng như:

Tặng quà tết cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn huyện Hóc Môn.

Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động chưa có việc làm ở huyện Hóc Môn và các địa phương lân cận.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty đang có những bước chuẩn bị và định hướng để phát triển thị trường vốn xanh và sẽ báo cáo ngay khi có hướng dẫn cụ thể của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong những năm qua Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo công ty luôn xác định đầu tư vào lĩnh vực Giáo dục là chiến lược trọng tâm để SAVITECH phát triển bền vững. Tuy nhiên trong quá trình chuyển đổi thì các ngành kinh doanh truyền thống của công ty vẫn đóng vai trò then chốt; tạo đà quan trọng để SAVITECH thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển dài hạn.

Năm 2017, môi trường kinh doanh của Việt Nam tuy được cải thiện nhưng sức mua trên thị trường vẫn còn thấp, các doanh nghiệp vẫn còn gặp khó khăn về đầu ra như: hàng tồn kho cao, khả năng thu hồi công nợ kém, đối thủ cạnh tranh ngày càng nhiều làm cho thị phần bị giảm sút nghiêm trọng đã tác động xấu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp; Là thành viên trong cộng đồng doanh nghiệp nên công ty SAVITECH cũng gặp phải những khó khăn tương tự.

Tuy nhiên, bằng sự đồng tâm và nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông đã khắc phục khó khăn và hoàn thành mức chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu (Đvt: triệu đồng)	Chỉ tiêu năm 2017	Kết quả năm 2017	Hoàn thành kế hoạch
Tổng doanh thu	50.000	37.373	74,75%
Lợi nhuận trước thuế	5.000	4.344	86,88%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000	704	70,40%
Lợi nhuận sau thuế	4.000	3.640	91,00%

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016	Chênh lệch	
			Số tiền	%
A. Tài sản ngắn hạn	25.695.282.120	44.611.819.708	(18.916.537.588)	-42,40%
Tiền & các khoản tương đương				
I. tiền	697.831.102	628.268.658	69.562.444	11,07%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
II. hạn	4.549.956.600	2.223.663.000	2.326.293.600	104,62%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	17.877.679.298	30.778.549.282	(12.900.869.984)	-41,92%

IV. Hàng tồn kho	2.465.218.087	10.968.923.826	(8.503.705.739)	-77,53%
V. Tài sản ngắn hạn khác	104.597.033	12.414.942	92.182.091	742,51%
B. Tài sản dài hạn	103.315.321.037	105.581.304.636	(2.265.983.599)	-2,15%
I. Các khoản phải thu dài hạn	10.000.000	10.000.000	-	0,00%
II. Tài sản cố định	701.745.726	886.586.709	(184.840.983)	-20,85%
III. Bất động sản đầu tư	17.155.593.510	18.297.514.041	(1.141.920.531)	-6,24%
V. Tài sản dở dang dài hạn	379.849.094	373.250.000	6.599.094	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	85.068.132.707	86.013.953.886	(945.821.179)	-1,10%
V. Tài sản dài hạn khác			-	0,00%
Tổng cộng tài sản	129.010.603.157	150.193.124.344	(21.182.521.187)	-44,55%

Tổng tài sản của công ty trong năm 2017 giảm 44,55% tương ứng 21,18 tỷ đồng so với năm 2016, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn giảm 42,40% tương ứng 18,91 tỷ đồng, giảm chủ yếu do hàng tồn kho giảm 77,53% tương ứng 8,50 tỷ đồng;
- Tài sản dài hạn giảm 2,15% tương ứng 2,26 tỷ đồng là do trích khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư.
- Công ty sử dụng tài sản hiệu quả để tạo ra doanh thu và lợi nhuận, không có khoản phải thu nợ xấu hoặc tài sản xấu nào ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

b. Tình hình nợ phải trả

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016	Chênh lệch	
			Số tiền	%
I. Nợ ngắn hạn	970.669.836	25.743.389.999	(24.772.720.163)	-96,23%
1. Phải trả cho người bán	107.329.500	22.714.727.361	(22.607.397.861)	-99,53%
2. Người mua trả tiền trước	0	584.578.485	(584.578.485)	100,00%
3. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	34.701.010	414.406.661	(379.705.651)	-91,63%
4. Phải trả người lao động	642.561.860	689.674.017	(47.112.157)	-6,83%
5. Chi phí phải trả	59.362.500	78.837.083	(19.474.583)	-24,70%
9. Phải trả ngắn hạn khác	43.552.508	1.184.594.782	(1.141.042.274)	-96,32%
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	0	-	0,00%
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	83.162.458	76.571.610	6.590.848	8,61%
Cộng	970.669.836	25.743.389.999	(24.772.720.163)	-96,23%

Nợ phải trả tính đến thời điểm cuối năm 2017 giảm 96,23% tương ứng 24,77 tỷ đồng so với năm 2016; Do trong năm khoản người mua trả tiền trước giảm 100%. Công ty không có khoản nợ vay các tổ chức tín dụng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2017 Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện các hoạt động của Công ty như:

- Sắp xếp lại bộ máy nhân sự tại các bộ phận sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm tối đa các khoản chi phí không hợp lý, tối ưu hóa máy móc thiết bị trong sản xuất, thúc đẩy bộ phận kinh doanh tìm kiếm khai thác khách hàng mới và duy trì ổn định khách hàng tiềm năng của công ty.
- Thực hiện chính sách bán hàng, phân phối hợp lý, giữ được quy mô thị trường và khách hàng truyền thống.
- Thực hiện tốt chính sách nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, bổ sung và luân chuyển cán bộ quản lý; áp dụng hệ thống bảng lương mới theo quy định về mức lương tối thiểu của Chính phủ, bảo đảm việc chi trả tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng phù hợp, và thu nhập cho người lao động ổn định.
- Bên cạnh duy trì tốt hệ thống chất lượng ISO 9001:2000 mà Công ty đang áp dụng, Ban điều hành Công ty luôn tìm ra những chính sách và giải pháp quản lý mới phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Áp dụng và cải tiến công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất, kinh doanh, quan hệ cổ đông và quan hệ khách hàng.
- Công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường khác theo quy định hiện hành của UBCKNN và Sở GDCK TP.HCM. Công ty luôn xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các Nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Xây dựng tốt văn hoá công ty trên cơ sở tất cả CBCNV đồng thuận, tôn trọng và tuân thủ; liên kết hoạt động và chia sẻ những giá trị tinh thần-vật chất giữa cá nhân với công ty, đối tác, khách hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Mục tiêu chung năm 2018

- Hoạt động chiến lược trọng tâm của SAVITECH là hoạt động đầu tư vào lĩnh vực Giáo dục thông qua việc khai thác hiệu quả chuỗi Hệ thống hơn 13 trường học mang thương hiệu Việt Mỹ (VASCHOOLS), đào tạo các cấp học từ mầm non đến hết lớp 12 tại TP.HCM và các khu đô thị lớn ở các tỉnh thành phía Nam.
- Công ty tiếp tục duy trì và phát huy các lĩnh vực kinh doanh chính (*Giấy thương mại, sản xuất phụ tùng xe và cho thuê mặt bằng*) của công ty hiện nay thông qua việc hoàn thiện kênh phân phối, tìm kiếm thêm khách hàng để mở rộng thị trường và tăng thị phần nhằm làm tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.
- Hợp tác triển khai các dự án tại các đơn vị mà SAVITECH có tham gia đầu tư góp vốn nhằm làm tăng nguồn thu từ hoạt động đầu tư tài chính.
- Đảm bảo việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên của công ty; phát huy thương hiệu SAVITECH; đảm bảo tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông.

4.2 Các chỉ tiêu kinh tế - tài chính chủ yếu năm 2018

Kinh tế thế giới năm 2018 được dự đoán là có phục hồi nhưng không vững chắc, sẽ có nhiều biến động khó lường nhất là tác động chính sách của các nước lớn và tình hình bất ổn chính trị ở nhiều nơi; tốc độ tăng trưởng tuy có cải thiện nhưng vẫn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức.

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng như hiện nay, Việt Nam phải tuân thủ các cam kết khi hội nhập Quốc tế và gia nhập cộng đồng ASEAN, là cơ sở đáng tin cậy, tăng thêm niềm tin và kỳ vọng tăng trưởng kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, năm 2018 cũng là năm đầy thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam, trong khi các doanh nghiệp còn chưa tìm ra giải pháp để đề nâng cao năng lực cạnh tranh thì hàng hóa từ các nước bên ngoài đã tràn vào thị trường Việt Nam, nhiều doanh nghiệp sẽ khó cạnh tranh ngay cả thị trường trong nước.

Theo nhận định của nhiều chuyên gia kinh tế, hàng hóa Việt Nam sẽ bị đánh bật ngay trên thị trường nội địa. Đây là điều rất đáng báo động cho các doanh nghiệp Việt Nam trong đó có cả công ty SAVITECH nếu không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng lực quản trị doanh nghiệp.

Trước những dự báo về áp lực cạnh tranh khốc liệt và tình hình kinh tế còn nhiều biến động khó lường. Với bề dày xây dựng và phát triển, phát huy lợi thế của doanh nghiệp, HĐQT và Ban Điều Hành cần trọng đề ra các mục tiêu phân đầu và các chỉ tiêu kinh tế - tài chính năm 2018 như sau:

BẢNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	50.000	50.000
2	Lợi nhuận trước thuế	“	5.000	5.000
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	“	1.000	1.000
4	Lợi nhuận sau thuế	“	4.000	4.000

4.3 Những giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch

Để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2018 như trên, theo chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc đề ra các giải pháp điều hành như sau:

- Chuẩn bị các phương án sản xuất kinh doanh linh hoạt, chủ động nhằm ứng phó kịp thời các diễn biến của thị trường; tập trung phát triển các ngành kinh doanh mũi nhọn của Công ty.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc Hệ thống trường Việt Mỹ nhằm khai thác hiệu quả hoạt động của nhà trường đặc biệt là hiệu quả tài chính. Không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, xây dựng thương hiệu VASCHOOLS xứng tầm với quy mô tài chính, cơ sở vật chất cũng như trí tuệ, kinh nghiệm của đội ngũ giáo viên giàu chất lượng.

- Đối với các đơn vị mà SAVITECH tham gia đầu tư tài chính, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty tiếp tục cùng phối hợp hoặc cùng tham gia chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh (tùy thuộc vào vốn góp hoặc quyền hạn của công ty) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị này để công ty thu được nhiều cổ tức hơn, phù hợp hơn trong việc phát huy hiệu quả vốn mà công ty đã đầu tư.
- Đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống nhà phân phối thông qua cơ chế quản lý cũng như chính sách thưởng phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của kênh tiêu thụ chủ lực này.
- Đẩy mạnh hơn nữa các chương trình tiếp thị, quảng bá thương hiệu nhằm tăng cường sự hiện diện và lan tỏa thương hiệu SAVITECH đến khách hàng và người tiêu dùng.
- Tăng cường công tác quản lý như: khai thác và vận hành máy móc thiết bị hoạt động hết công suất, tăng cường thu hồi công nợ, giải quyết hàng tồn kho, tiết giảm chi phí và mở rộng thị phần nhằm tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận.
- Phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng đến đội ngũ cán bộ kế thừa, tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho cán bộ công nhân viên.
- Khuyến khích và khen thưởng cán bộ công nhân viên tham gia đóng góp ý kiến, sáng chế, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; Nâng cao tinh thần và trách nhiệm đối với sự phát triển của Công ty.
- Tăng cường công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, quản trị rủi ro, kiểm soát chất lượng sản phẩm, để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro, chống lãng phí.
- Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đúng với quy định hiện hành của các Cơ quan chức năng, cung cấp thông tin cho các cổ đông và các nhà đầu tư tiềm năng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không phát sinh.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty: như đã báo cáo ở phần trên, Công ty đã hoàn toàn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2017 đạt mức tăng trưởng 6,81% của GDP cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng một thập kỷ trở lại đây. Năm 2017 cũng đánh dấu kỷ lục về số lượng doanh nghiệp thành lập mới. Cả nước có 126.859 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký là 1.295,9 nghìn tỷ đồng, tăng 15,2% về số doanh nghiệp và tăng 45,4% về số vốn đăng ký so với năm 2016. Đồng thời, trong năm nay, môi trường kinh doanh của Việt Nam cũng được cải thiện đáng kể. Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 5 bậc, lên thứ 55/137. Ngân hàng Thế giới xếp hạng về môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 14 bậc, lên thứ 68/190 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Cùng với đó, những hiệp định thương mại tự do có hiệu lực thúc đẩy xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các thị trường khác trên thế giới.

Đáng chú ý là tháng 11/ 2017, tại Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tổ chức tại Đà Nẵng, được sự thông qua của lãnh đạo 11 nước, Hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương TPP đã được đổi tên thành Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, với những điều khoản, quy định mới, mở ra một hướng đi mới cho thương mại Việt Nam.

Theo điều tra của Tổng cục Thống kê về xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý IV/2017, gần một nửa số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý IV năm nay tốt hơn quý III, và kỳ vọng trong quý I/2018 tình hình sẽ tốt lên.

Kết thúc niên độ tài chính 2017, công ty SAVITECH có tổng doanh thu đạt 37,37 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 3,64 tỷ đồng.

HDQT đánh giá cao về sự nỗ lực và quyết tâm của toàn thể Ban Lãnh đạo và CB.CNV công ty; đã khắc phục mọi khó khăn để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Trong hoạt động điều hành, Ban Tổng giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất; được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành công ty; tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch. HDQT đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý, phấn đấu hết mình để hoàn thành mục tiêu chung.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sẽ tập trung năng lực và trí tuệ để tiếp tục xây dựng giải pháp phát triển bền vững.

Tập trung quản trị chiến lược đầu tư phát triển công ty; soát xét lại hoạt động đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết và đầu tư góp vốn khác nhằm thu được lợi tức, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của cổ đông.

Xem xét lại chương trình hành động và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, trong đó có tái cơ cấu và kiện toàn nhân sự công ty. Hoàn thiện các quy chế quản trị công ty, bảo đảm năng lực và hiệu quả quản lý phù hợp với Điều lệ, luật định và thực tiễn hoạt động của công ty.

Sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng hoạt động, hỗ trợ sát sao hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả đã đề ra.

Duy trì họp thường kỳ hàng quý (mở rộng mời BKS, Ban TGDĐ tham dự), hay bất thường để kịp thời chỉ đạo, giám sát và đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc, các tiểu ban thuộc HDQT trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý/hàng năm của công ty, bảo đảm chất lượng tăng trưởng theo mục tiêu.

Công bố thông tin minh bạch, công khai về tình hình quản trị công ty cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan chức năng, bảo đảm lợi ích cao nhất cho cổ đông.

Duy trì chế độ chính sách phát triển nguồn nhân lực, đào tạo bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý kế thừa, nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho cán bộ công nhân viên- người lao động trong công ty.

Xây dựng và phát triển thương hiệu SAVITECH, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện tốt các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ III được Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu cử tín nhiệm, có trách nhiệm và quyền hạn quản lý công ty hoạt động phù hợp với Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Cơ cấu, phân công thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2014-2019) được tóm tắt như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Ông Bùi Nam Long	Chủ tịch	80.942	0,77
2	Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch	227.685	2,16
3	Ông Bùi Quang Khoa	Phó Chủ tịch	60.500	0,57
4	Ông Bùi Quang Minh	Thành viên	181.500	1,72
5	Bà Nguyễn Ngọc Hiền	Thành viên	-	-
Tổng cộng			550.627	5,22

(Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Hội đồng quản trị)

1. Ông BÙI QUANG KHOA			
Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị			
Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1977
		Nơi sinh	Huế
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Ngoại thương
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.28.3842633
Quá trình công tác:			
■ Từ 01/1999 đến 5/2002 : Trợ lý GD, TP Sản xuất KD Cty TNHH SX TM Minh Phúc			
■ Từ 5/2002 đến 4/2006 : PGĐ Phụ trách XNK Cty Phụ tùng Cơ Giới Trường Hải. Trưởng			

1. Ông BÙI QUANG KHOA

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

bộ phận phụ trách tuyến Châu Âu hãng tàu Kline, Cty liên doanh Vinabridge.

- Từ 05/2006 đến 11/2006 : Trợ lý HĐQT Cty CP Giấy Viễn Đông
- Từ 12/2006 đến 10/2008 : GD điều hành Cty CP Giấy Viễn Đông, thành viên HĐQT Cty CP Chè Cafe Di Linh, Cty CP Chè Minh Rồng.
- Từ 2009 đến nay : TGD Ladotea. Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông.

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm
21/03/2018

■ Cá nhân: 60.500 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết

■ Cá nhân: 0,57%

2. Bà Nguyễn Ngọc Hiền

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1986
		Nơi sinh	TP. HCM
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị KD
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.28.3849.6643

Quá trình công tác:

- Từ 2008 đến 2010: Chuyên gia nghiên cứu thị trường tại Cty TNHH Nielsen Việt Nam
- Từ 2010 đến 2013: Trợ lý HĐQT Cty CP TM Toàn Lực.
- Từ 2013 đến 2014 : Trưởng phòng Nhân sự và Đào tạo Cty TNHH Bao Bì MM Vidon
- Từ 2015 đến nay : Giám đốc Cty CP Giấy Toàn Lực.
- Từ 2014 đến nay : Thành viên HĐQT Cty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông.

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm
21/03/2018

■ Cá nhân: 0 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết

■ Cá nhân: 0%

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm thành viên Ban điều hành công ty đã được nêu ở phần Danh sách Ban điều hành công ty.

b) Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản trị

Tiểu ban truyền thông và quan hệ cổ đông:

STT	Thành viên	Nhiệm vụ
1	Ông Bùi Nam Long	Trưởng ban
2	Ông Bùi Quang Minh	Thành viên – người công bố thông tin chứng khoán
3	Bà Lê Thị Thanh Tuyền	Thành viên

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Công tác quản trị Công ty

HĐQT nhiệm kỳ III, đã cố gắng tập trung nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả công tác quản trị công ty, bảo đảm phù hợp với luật định hiện hành, Điều lệ, và thực tiễn trong hoạt động kinh doanh, chiến lược đầu tư phát triển từng giai đoạn. Các nội dung chủ yếu về công tác quản trị công ty như sau:

Cập nhật và duy trì các quy chế quản trị công ty:

- Quy chế quản lý nội bộ công ty: phân cấp quản lý, chế độ giám sát, chế độ làm việc trong và giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc; thực hiện báo cáo quản trị công ty định kỳ hàng quý và năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở GDCK TP.HCM.
- Quy chế quản lý tài chính: thực hiện báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, 6 tháng (soát xét), và cả năm (kiểm toán) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở GDCK TP.HCM và các cơ quan quản lý khác.
- Qui định về văn hóa ứng xử và trách nhiệm điều hành công ty cũng như lãnh đạo các phòng ban trong công ty phải có tinh thần tự trọng, biết nói lời xin lỗi, và sẵn sàng nhận trách nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ, gây thiệt hại cho công ty,...
- Quy định về trách nhiệm của công ty đối với môi trường và xã hội như: tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải, tiêu thụ nguồn nước; các chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Quản trị điều lệ, đăng ký kinh doanh, niêm yết và cơ cấu vốn cổ đông:

- Xây dựng Điều lệ Công ty và tổ chức thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và đảm bảo phù hợp Điều lệ mẫu ban hành của Bộ Tài chính. **Chỉ đạo, giám sát hoạt động SXKD, và chiến lược đầu tư phát triển Công ty**

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát, chỉ đạo đối với Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và Cổ đông.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD công ty và các cán bộ quản lý thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý và báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD về tiến độ thực hiện, về định hướng triển khai, những khó khăn, vướng mắc... tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng và đột xuất của HĐQT. Qua đó nắm bắt sát tình hình của công ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, để đạt được chỉ tiêu theo kỳ vọng.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)
1	Ông Bùi Nam Long	Chủ tịch	4/4	100%

2	Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch	4/4	100%
3	Ông Bùi Quang Khoa	Phó Chủ tịch	4/4	100%
4	Ông Bùi Quang Minh	Thành viên	4/4	100%
5	Bà Nguyễn Ngọc Hiền	Thành viên	4/4	100%

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2017):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/BB-HĐQT	10/02/2017	Biên bản họp HĐQT về việc dự kiến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 và các vấn đề khác
05	02/BB-HĐQT	20/03/2017	Biên bản họp HĐQT về việc Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 vào ngày 22/04/2017 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2017
08	03/BB-HĐQT	01/07/2017	HĐQT rà soát tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 và xem xét hiệu quả việc đầu tư tài chính mà công ty góp vốn nhằm kịp thời đưa ra các giải pháp kịp thời
09	06/BB-HĐQT	30/12/2017	Đánh giá tổng thể các mục tiêu đã thực hiện trong năm 2017

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và theo dõi, giám sát công tác quản lý của Ban Tổng Giám đốc.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Tiểu ban truyền thông và quan hệ cổ đông:

Công bố thông tin định kỳ: Báo cáo tài chính quý 4/2016; Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016; Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2016; Báo cáo thường niên năm 2016; Báo cáo tài chính quý 1+quý 2+quý 3/2017.

CBTT 24h: Về kết quả Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016; CBTT về việc ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

Tham gia gia các lớp tập huấn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tổ chức.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều được đào tạo qua các chương trình quản lý cấp cao.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Bà Nguyễn Thị Hoài Dung	Trưởng ban	0	
2	Bà Nguyễn Thị Bông	Thành viên	0	
3	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Thành viên	0	
Tổng cộng			0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Tham dự các buổi họp theo thư mời của HĐQT, BTGD

Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

Trình HĐQT về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

Xem xét các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu và nội dung trên báo cáo.

Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017.

Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban tổng giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, tôn trọng và chấp hành Điều lệ công ty, bảo đảm lợi ích chung của công ty;

Phối hợp với HĐQT, Ban tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các quyết định và nghị quyết của HĐQT đến các bộ phận trong công ty, các cổ đông về các vấn đề: Hoạt động sản xuất kinh doanh, chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên...

Định kỳ hàng quý trao đổi cùng HĐQT, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính cũng như việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế hoạt động của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017 :

Dvt: đồng

I	Thù lao của Hội đồng quản trị		
1	Ông Bùi Nam Long	Chủ tịch	5.858.212

2	Ông Bùi Quang Khoa	Phó chủ tịch	2.343.284
3	Bà Nguyễn Thị Thu	Phó chủ tịch	2.343.284
4	Bà Nguyễn Ngọc Hiền	Thành viên	1.171.642
5	Ông Bùi Quang Minh	Thành viên	1.171.642
Cộng			12.888.064

II Thù lao của Ban Kiểm soát			
1	Bà Nguyễn Thị Hoài Dung	Trưởng BKS	1.757.463
2	Bà Nguyễn Thị Bông	TV.BKS	1.171.642
3	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	TV.BKS	1.171.642
Cộng			4.100.747

III Lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc			
1	Ông Bùi Nam Long	Tổng giám đốc	302.876.300
2	Ông Võ Văn Hải	Giám đốc kinh doanh	226.782.800
3	Ông Nguyễn Thế Phụng	Giám đốc sản xuất	220.448.185
Cộng			750.107.285

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không phát sinh

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:



Số: A0617222-R/AISC-DN6

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**QUÝ CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Dương Thị Phương Anh
Số GCNĐKHNKT: 0321-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Phạm Thị Thanh Mai
Số GCNĐKHNKT: 1044-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội : 6 Floor, 36 Hoa Bình 4 St., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 350 Hai Phong St., Thanh Khue Dist., Đà Nẵng City

Representative in Cần Thơ : 243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St., Hồng Bang Dist., Hải Phòng

Tel : (84.24) 3782 0045 / 46 Fax : (84.24) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn
Tel : (84.236) 3715 619 Fax : (84.236) 3715 620 Email: danang@aisc.com.vn
Tel : (84.292) 3813 004 Fax : (84.292) 3828 765
Tel : (84.225) 356 9577 Fax : (84.225) 3569 576

Trang 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.695.282.120	44.611.819.708
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	697.831.102	628.268.658
1. Tiền	111		697.831.102	628.268.658
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4.549.956.600	2.223.663.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.011.289.000	9.011.289.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4.461.332.400)	(6.787.626.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.877.679.298	30.778.549.282
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	15.815.263.798	25.574.332.742
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	23.750.000	4.253.441.540
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.270.775.000	950.775.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(232.109.500)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	2.465.218.087	10.968.923.826
1. Hàng tồn kho	141		2.483.414.877	10.968.923.826
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.196.790)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		104.597.033	12.414.942
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	104.597.033	12.414.942
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		103.315.321.037	105.581.304.636
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10.000.000	10.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		701.745.726	886.586.709
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	701.745.726	886.586.709
- Nguyên giá	222		11.352.806.175	11.352.806.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.651.060.449)	(10.466.219.466)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III Bất động sản đầu tư	230	V.9	17.155.593.510	18.297.514.041
- Nguyên giá	231		22.865.196.201	22.865.196.201
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.709.602.691)	(4.567.682.160)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	379.849.094	373.250.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		379.849.094	373.250.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	85.068.132.707	86.013.953.886
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		58.285.500.000	58.285.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.247.722.652	29.247.722.652
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.465.089.945)	(1.519.268.766)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		129.010.603.157	150.193.124.344

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 6

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		970.669.836	25.743.389.999
I. Nợ ngắn hạn	310		970.669.836	25.743.389.999
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	107.329.500	22.714.727.361
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	-	584.578.485
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	34.701.010	414.406.661
4. Phải trả người lao động	314		642.561.860	689.674.017
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	59.362.500	78.837.083
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	43.552.508	1.184.594.782
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		83.162.458	76.571.610
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		128.039.933.321	124.449.734.345
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	128.039.933.321	124.449.734.345
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		105.269.370.000	105.269.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.269.370.000	105.269.370.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.350.969.208	5.350.969.208
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.619.594.113	9.029.395.137
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.979.532.978	8.179.954.606
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.640.061.135	849.440.531
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		129.010.603.157	150.193.124.344

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU/KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Phương



Bùi Nam Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	36.120.668.410	47.939.905.482
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	18.770.117	106.493.654
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	36.101.898.293	47.833.411.828
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	31.430.761.200	42.543.020.273
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.671.137.093	5.290.391.555
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.092.798.337	31.231.178
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	(1.366.935.209)	1.188.455.679
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	20.986.667
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.181.075.180	1.362.528.651
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1.784.614.375	1.624.045.867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		4.165.181.084	1.146.592.536
11. Thu nhập khác	31	VI.8	179.201.716	45.464.545
12. Chi phí khác	32	VI.9	-	123.815.588
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		179.201.716	(78.351.043)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.344.382.800	1.068.241.493
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	704.321.665	218.800.962
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.640.061.135	849.440.531
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	341	55
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	341	55

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU/KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Phương

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Nam Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.344.382.800	1.068.241.493
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7,8	1.326.761.514	1.482.380.437
- Các khoản dự phòng	03	VI.2,3,6	(1.130.166.131)	1.153.225.801
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.5	(1.092.798.337)	(31.231.178)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	-	20.986.667
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.448.179.846	3.693.603.220
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		12.668.760.484	(6.024.379.628)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		8.485.508.949	3.901.627.532
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(26.341.608.395)	(3.188.364.984)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(92.182.091)	2.372.433
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(20.986.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	814.704.408	(1.109.051.795)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(245.399.891)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.016.636.799)	(2.990.579.780)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(6.599.094)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.793.500.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.5	1.092.798.337	31.231.178
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.086.199.243	3.870.185.723

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.460.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(2.160.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		69.562.444	179.605.943
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		628.268.658	448.662.715
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	697.831.102	628.268.658

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU/KÊ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Phượng



Bùi Nam Long

Kế thừa và phát huy những thành quả đã đạt được, SAVITECH hướng đến sự phát triển bền vững, trọng tâm bằng các lĩnh vực Giáo dục - Thương mại - Sản xuất - Đầu tư nhằm tạo ra nhiều giá trị gia tăng, lợi tức cho cổ đông, công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp vào ngân sách Nhà nước để thương hiệu SAVITECH lan tỏa đến các nhà đầu tư, khách hàng và người tiêu dùng!

TP.Hồ Chí Minh, Ngày 05/04/2018
Người đại diện theo phát luật của Công ty
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Nam Long

